

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHAI THÁC HỒ THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Bình Phước, tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC	TRANG
MỞ ĐẦU	-
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty	2
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	3
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	4
Điều 6. Cổ phiếu	5
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của Cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	23
Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	24
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	24
Điều 28. Chủ tịch HĐQT	27
Điều 29. Các cuộc họp của HĐQT	27
Chương VIII. GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	31
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý	31

Điều 31. Cán bộ quản lý	31
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	31
Chương IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	34
Điều 33. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT, Giám đốc và CB quản lý	34
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
Chương X. BAN KIỂM SOÁT	36
Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
Chương XII. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XH KHÁC VÀ CBCNV TRONG CTY	38
Điều 37. Hoạt động của tổ chức Đảng, CĐ và tổ chức chính trị XH khác	38
Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn	38
Chương XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	39
Điều 39. Cổ tức	39
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	40
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 41. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	41
Điều 43. Năm tài chính	41
Điều 44. Hệ thống kế toán	41
Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	42
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	42
Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	42
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 47. Kiểm toán	43
Chương XVII. CON DẤU	44
Điều 48. Con dấu	44
Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông	45
Điều 51. Thanh lý	45
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	47
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 54. Ngày hiệu lực	48
Điều 55. Chữ ký của các Cổ đông sáng lập	48
PHỤ LỤC: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY	49

MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần đầu tư khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ (dưới đây gọi là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT) Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định của pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12 tháng 6 năm 2012.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn;
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC HỒ THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ**
 - Tên tiếng Anh:
 - Tên viết tắt:
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
 - Điện thoại: Fax:
4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu từ ngày thành lập.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - a. Khai thác và cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp.
 - b. Nuôi trồng, khai thác thủy sản nước ngọt.
 - c. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
 - a. Sản xuất kinh doanh ngày một tăng trưởng và hiệu quả;
 - b. Phát triển bền vững mang lại lợi ích ngày một lớn cho Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.
3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **4.000.000.000 VND** (bằng chữ: *Bốn tỷ đồng*).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **400.000 cổ phần** (bằng chữ: *Bốn trăm cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (bằng chữ: *Mười ngàn đồng/cổ phần*).
2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định chi tiết trong Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ đông sáng lập của Công ty là những Cổ đông có đủ các điều kiện sau:
Có tên và địa chỉ trong danh sách Cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này. Cổ đông sáng lập của Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
7. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Số chiết khấu hoặc

tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) và thanh toán tiền mua cổ phần theo những cách thức phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, quy định trong Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành dưới hình thức Sổ chứng nhận Cổ đông hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Sổ chứng nhận Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra với Công ty.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
4. Cổ đông có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản sổ chứng nhận cổ đông. Công ty không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong mọi trường hợp khi sổ chứng nhận cổ đông bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
5. Tại từng thời điểm, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ lập Sổ đăng ký cổ đông và lưu giữ sổ này như một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ bằng cả hai hình thức: tập tài liệu bằng văn bản (trên giấy) và tập dữ liệu điện tử lưu giữ trong một thiết bị điện tử (ổ đĩa cứng, đĩa mềm, USB...). Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chính theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc một tổ chức khác do HĐQT quyết định

3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có được sở hữu đó.
4. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Trong vòng ba (03) năm kể từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Ngày thành lập), Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho Cổ đông sáng lập khác, còn khi chuyển nhượng cho người không phải là Cổ đông sáng lập phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành Cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và đã phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng thì các quy định hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được bãi bỏ. Nếu chưa phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng thì áp dụng khoản 6,7 điều này.

Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phần của Nhà nước được bán bớt số cổ phần của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần thì trong sổ chứng nhận Cổ đông sẽ ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng (giảm) và số cổ phần còn lại. Nếu người nhận chuyển nhượng là Cổ đông của Công ty thì số cổ phần của họ sẽ được ghi nhận tăng tương ứng. Nếu người nhận chuyển nhượng không phải là Cổ đông của Công ty thì sẽ được cấp sổ chứng nhận Cổ đông theo quy định.
4. Cổ phần đã được chuyển nhượng phải được ghi đầy đủ những thông tin quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành Cổ đông của Công ty.

Chậm nhất là bảy (07) ngày sau khi Công ty được thanh toán đầy đủ cho các cổ phần mà Công ty phát hành hoặc nhận được thông báo và giấy tờ hợp lệ chứng minh việc chuyển nhượng, các chi tiết liên quan đến Cổ đông hoặc người nhận quyền chuyển nhượng sẽ được ghi chép vào Sổ đăng ký cổ đông.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
6. Quyền từ chối trước tiên: Trong thời gian Công ty chưa phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), mỗi khi một cổ đông sáng lập muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần mà mình đang nắm giữ cho người không phải là cổ đông sáng lập của Công ty thì tất cả các cổ đông sáng lập còn lại được quyền mua lại số cổ phần đó với cùng giá bán và điều kiện mua bán mà cổ đông sáng lập đó có ý định bán cho người ngoài Công ty. Chỉ khi các Cổ đông sáng lập của Công ty không mua hoặc mua không hết số cổ phần được chào bán, thì cổ đông đó mới được quyền bán cổ phần do mình nắm giữ với cùng giá và điều kiện mua bán cho người không phải là cổ đông sáng lập.
7. Quyền bán theo: Trong thời gian Công ty chưa phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), mỗi khi một cổ đông sáng lập nhận được đề nghị của người không phải là cổ đông sáng lập của Công ty về việc mua lại cổ phần do cổ đông sáng lập đó nắm giữ và nếu cổ đông sáng lập được chào mua cổ phần đó cũng có ý định bán cổ phần mà mình đang nắm giữ cho người không phải là cổ đông sáng lập của Công ty, thì tất cả các cổ đông sáng lập còn lại được quyền cùng bán một phần trong số cổ phần dự định bán đó tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi cổ đông sáng lập đang nắm giữ tại Công ty, với cùng giá và điều kiện mua bán mà cổ đông sáng lập có ý định bán cổ phần được chào mua. Chỉ khi các cổ đông sáng lập của Công ty không bán hoặc không bán hết số cổ phần được chào mua, thì cổ đông sáng lập được chào mua mới được quyền bán cổ phần do mình nắm giữ với cùng giá và điều kiện được chào mua cho người không phải là cổ đông sáng lập.
8. Trường hợp một cổ đông bị chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì người thừa kế hợp pháp hoặc những người quản lý tài sản của người đó theo quy định của Pháp luật sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đó khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.
9. Mọi sự chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần trong chứng chỉ cổ phiếu ghi danh phải thông qua thủ tục chuyển nhượng tại Công ty hoặc tổ chức trung gian được Công ty uỷ quyền thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu do Công ty quy định.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó (lãi suất tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại tại thời điểm thu hồi) và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

Điều 12. Quyền của Cổ đồng

1. Cổ đồng là người sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đồng chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đồng phổ thông có các quyền sau:
 - a. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên trên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát (nếu có) theo quy định tương ứng của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Thủ tục triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này;
 - d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể

hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Các quyền khác được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam cụ thể do HĐQT quy định.
3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Cty;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc;
- d. Phương hướng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư kinh doanh dài hạn và một năm.
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm đi 10%;
- c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải có đầy đủ các nội dung sau:

Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số ĐKKD đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty,

Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);

- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại mục c khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục d và e khoản 4 Điều này;

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục b khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại mục d khoản 4 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Cty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Thông qua báo cáo về quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc;
 - c. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - d. Thông qua định hướng phát triển ngắn hạn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm của Công ty;
 - e. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - i. Lựa chọn Công ty Kiểm toán;
 - j. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT. Thông qua báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - k. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - l. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - o. Quyết định đầu tư dài hạn; các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Quyết định việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm làm Giám đốc Cty;
 - r. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
 - s. Quyết định việc phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ;
 - t. Quyết định tăng giảm vốn điều lệ;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng quy định tại mục r khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người ủy quyền là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức (cổ đông là tổ chức) thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 Quy định tại khoản này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng theo quy định của Công ty, trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định trong Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:
 - a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp, nội dung, tài liệu cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm :
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; Thời gian và địa điểm họp.
 - b. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, Chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - c. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông đến Cổ đông :

- Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên một tờ báo Trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đóng trụ sở chính của Công ty.
 - Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
 - Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
 - Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào Chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy tại khoản 5 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng chấp thuận.
 7. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là

hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thông báo mời họp theo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
4. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì người được uỷ quyền hoặc người được bầu theo khoản 3 Điều 28 của Điều lệ này làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố;

- b. Chủ tọa cử một người làm Thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ;
- Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội cổ đông có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
11. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
12. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển dài hạn và một năm của Công ty;
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty/chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty/chi nhánh thực hiện sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ngoại trừ các vấn đề sau phải tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - + Bầu, bãi nhiệm miễn nhiệm thành viên HĐQT;
 - + Quyết định đầu tư, nhượng bán tài sản;
 - + Tổ chức lại, giải thể Công ty
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chủ toạ và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản cuộc họp, nếu không có ý kiến phản đối thì các biên bản này được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập không điều hành.
2. Thành viên HĐQT do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông, cụ thể như sau:
 - Các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT (việc gộp quyền biểu quyết của các nhóm cổ đông phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất trước thời điểm khai mạc Đại hội tiến hành);
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến 35% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) thành viên vào HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 35% đến 65% được đề cử hai (02) thành viên vào HĐQT;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 65% được đề cử đủ số ứng viên vào HĐQT;
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Việc bầu cử được thực hiện theo quy chế bầu thành viên HĐQT do Công ty ban hành, được Đại hội thông qua.
5. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.
7. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này.
- Trong trường hợp khác HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Trong trường hợp có thành viên được bầu bổ sung theo khoản này thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải hội đủ các tiêu chuẩn sau:

- 1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
- 2. Được đề cử của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này;
- 3. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- 4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;
- 5. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

- 1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, định hướng phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính hằng năm của Công ty;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; ban hành các quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế tuyển dụng, đào tạo, quản lý tài chính, lương, thưởng, sử dụng các quỹ của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn người đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó.
 - f. Đề xuất loại cổ phiếu và tổng số cổ phiếu được quyền chào bán của từng loại.
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất việc phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ; kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và quyết định mức tạm ứng cổ tức; quyết định phương án trả cổ tức và xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại; giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - l. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - m. Duyệt Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh)
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hoặc nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty trong mỗi mười hai (12) tháng;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để được thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện nhóm Cổ đông sở hữu đến 10% cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với Luật sư hoặc Kế toán và Kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại điều này trong thời gian hợp lý.
6. HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
 10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự

các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Giám đốc Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ đứng ra triệu tập họp HĐQT.
2. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập họp bất kỳ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch HĐQT lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên HĐQT;
 - c. Chủ tịch HĐQT;
4. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 6. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
 7. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
 8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
 9. Quyền biểu quyết
 - a. Trừ quy định tại mục b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Trong trường hợp này thành viên đó sẽ không được tính vào số thành viên tham dự tối thiểu cho cuộc họp về những vấn đề nêu trên;
 - c. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại mục a, b khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng. Trong trường hợp thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình theo quy định tại mục b khoản này, thì vấn đề này sẽ được chuyển đến Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa là quyết định

cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố rõ ràng và đầy đủ;

10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên HĐQT sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT;
 - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản cuộc họp HĐQT: Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ trong trụ sở chính của Công ty.

15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:
 - a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;
 - b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.
17. Những người được mời họp dự thỉnh: Giám đốc, Thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của bên thứ ba không phải là thành viên HĐQT có thể dự các cuộc họp của HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT.

Điều 31. Cán bộ quản lý

1. Tuỳ theo tình hình phát triển và đòi hỏi từ thực tế quản lý Công ty, theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số các chức danh cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để thực hiện các công việc quản lý Công ty do HĐQT đề ra theo từng thời kỳ. Những cán bộ quản lý này phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng lao động với những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Là người có kinh nghiệm thực tế về quản lý;
 - c. Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý;
 - d. Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác;
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào tuần cuối của tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;
 - h. Chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật; Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
 - k. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty;
 - l. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này; đồng thời thông báo ngay cho HĐQT;
 - m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;

6. Bãi nhiệm: Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Giám đốc gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được các thành viên của HĐQT chấp thuận hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;
 - b. HĐQT sẽ bãi nhiệm Giám đốc khi:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Vi phạm Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý của Công ty;
 - Trong công tác điều hành có sai sót gây thiệt hại, thất thoát vốn và tài sản của Công ty do thiếu tinh thần trách nhiệm;
 - Việc bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc).

Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm phải có trách nhiệm bàn giao công việc cho người kế nhiệm.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT và cán bộ quản lý (sau đây gọi là Người quản lý doanh nghiệp)

1. Người quản lý doanh nghiệp phải thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Người quản lý doanh nghiệp phải thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Người quản lý Doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người quản lý Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho Người quản lý Doanh nghiệp và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với:
 - Một hoặc nhiều người quản lý Doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ; hoặc
 - Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà một hoặc nhiều người quản lý Doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính.

sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì người quản lý Doanh nghiệp đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị trên 50% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc

giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Người quản lý Doanh nghiệp hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Người quản lý Doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là Người quản lý Doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách Người quản lý Doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác nếu:
 - Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty;
 - Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ pháp luật;
 - Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty; và
 - Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X
BAN KIỂM SOÁT

Đại hội cổ đông thống nhất quyết định không thành lập Ban kiểm soát.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty được cấp miễn phí cho Cổ đông một bản. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC VÀ CÔNG NHÂN VIÊN TRONG CÔNG TY

Điều 37. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác

1. Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công trong Công ty (nếu có) hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luật và Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia các hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này và các hoạt động đó không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn

Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Hàng năm, Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quy định của pháp luật, do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán theo các cách thức sau:
 - a. Thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.
 - b. Thanh toán bằng chuyển khoản Ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng.
 - c. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. HĐQT thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty (Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển,...) do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên báo của địa phương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền xem hoặc sao chụp bản tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán tại trụ sở chính, trong giờ làm việc của Công ty và phải trả một mức phí theo quy định.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Đối với năm tài chính đầu tiên, HĐQT sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. HĐQT sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông

Các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với HĐQT, Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 54 Điều, được Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần đầu tư khai thác hồ thủy điện Thác Mơ thống nhất thông qua.
Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày: 12 tháng 6 năm 2012.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều 55. Chữ ký của các Cổ đông sáng lập

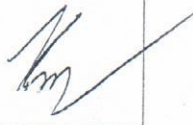
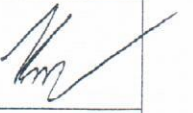
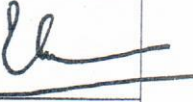
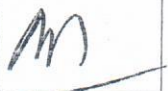
1. Danh sách và chữ ký của các cổ đông sáng lập như trong phụ lục kèm theo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Sơn

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC HỒ THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**
(Kèm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần	Chữ ký
1	CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ	Khu 5, phường Thác Mơ, TX Phước Long, tỉnh Bình Phước	140.000	35,00%	
2	ĐINH VĂN SON	73/10D Tân Hải Phường 13, Tân Bình, HCM	20.000	5,00%	
3	NGUYỄN THANH PHÚ	17B1 KP1, phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	140.000	35,00%	
4	HUỖNH VĂN KHÁNH	Long Thủy, Phước Long, Bình Phước	52.000	13,00%	
5	PHẠM ĐỨC DOANH	Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước	40.000	10,00%	
6	VŨ VĂN BẰNG	Phước Tân, BGM, Bình Phước	5.000	1,25%	
7	TRẦN THỊ THÚY	Long Thủy, Phước Long, Bình Phước	1.000	0,25%	
8	ĐÀO NGUYỄN HẠNH	KP2, Phước Bình, Phước Long, BP	1.000	0,25%	
9	PHẠM ĐÌNH TẤN	Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước	1.000	0,25%	